

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **742/2019/HC-PT**

Ngày: 22-8-2019

V/v khiếu kiện quyết định hành chính.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy

Các Thẩm phán:

Ông Chu Xuân Quyền

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Vào ngày 22/8/2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 18/2019/TLPT-HC ngày 14 tháng 01 năm 2019 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3115/2019/QĐ-PT ngày 11/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa hành chính phúc thẩm số 5882/2019/QĐ-PT ngày 31/7/2019, giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1936

Địa chỉ: 64/3 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện bà Phạm Thị T: **Bà Nguyễn Thị M**, sinh năm 1962, địa chỉ: 64/3 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/7/2017) (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: 46A đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Đinh Thị H, sinh năm 1949 (vắng mặt)

Địa chỉ: 54 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Ông Thái Đình L1, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: 62A đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Ông Vũ Văn L2, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: 62B đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Phan Minh D, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 62C đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Vũ Thị Lệ H, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: 52 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: 64/6 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Đoàn Thị K, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Địa chỉ: 48 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông Đặng Văn H1, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 62 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện ông Nguyễn Văn C, bà Đình Thị H, ông Thái Đình L1, ông Vũ Văn L2, ông Phan Minh D, bà Vũ Thị Lệ H, ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn V, bà Đoàn Thị K: Ông Trần Văn H2, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Địa chỉ: 268/23/9 Đường T, Phường 13, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Theo Văn bản ủy quyền lập ngày 08/8/2017)

11. Bà Nguyễn Trần Thiên H3, sinh năm 1969 (vắng mặt)

Địa chỉ: 60 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Ông Đinh Ngọc K, sinh năm 1953 (có mặt)

Địa chỉ: 984C Q, khu phố 5, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: 14A/6A, tổ 6A T, Dĩ An, tỉnh D.

Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ. Địa chỉ: 1260 K, khu phố 2, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Thanh V, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, (Theo Văn bản ủy quyền lập ngày 25/7/2017) (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn P, sinh năm 1988, địa chỉ: 131/9 đường số 6, khu phố 2, phường C, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Địa chỉ: 64/3 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: 46A đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Đinh Thị H4, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: 54 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: 62A đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Bà Giang Thị P, sinh năm 1960 (vắng mặt)

Địa chỉ: 62B đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: 62C đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1956 (vắng mặt)

Địa chỉ: 984C Quốc lộ 1A, khu phố 5, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Bà Võ Thị Thu H4, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: 62 đường 16, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị T và trình bày của người đại diện theo ủy quyền:

Bà Phạm Thị T khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L đã ban hành văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 vì văn bản này có nội dung vu khống cho bà T lấn chiếm đất là không có căn cứ theo quy định của Luật đất đai và xâm phạm quyền sử dụng đất của bà T theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 2 Điều 101 Luật đất đai.

Lý do: Nhà đất bà T đang sử dụng tại địa chỉ đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ mương nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có

thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất. Việc sử dụng đất của bà T phù hợp với quy định tại Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 2 Điều 101 Luật đất đai. Cùng sử dụng đất với bà T có ông Nguyễn Văn C, bà Đinh Thị H, ông Thái Đình L1, ông Vũ Văn L2, ông Phan Minh D, bà Vũ Thị Lệ H, ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị Ngọc Ân, ông Trịnh Hữu Hoan, ông Đào Danh Bằng, bà Nguyễn Trần Thiên H3, ông Đinh Ngọc K.

Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn C và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền:

Tương tự với khởi kiện của bà T, ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: Nhà đất ông Cảnh đang sử dụng tại địa chỉ 46A đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ ruộng nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T sang nhượng cho ông Cảnh theo giấy sang nhượng ngày 15/9/2000, cùng nhận sang nhượng đất của bà T còn có ông Đặng Văn H1, bà Vũ Thị Lệ H, bà Nguyễn Thị Ngọc Ân, bà Đinh Thị H, ông Trịnh Hữu Hoan, ông Đào Danh Bằng, Nguyễn Trần Thiên H3, ông Vũ Văn L2, ông Nguyễn Văn V, ông Phan Minh D, bà Đoàn Thị K, ông Thái Đình L1, ông Đinh Ngọc K. Ông Cảnh sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện của bà Đinh Thị H, và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền:

Tương tự với khởi kiện của bà T, bà Đinh Thị H khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: Nhà đất bà Hương đang sử dụng tại địa chỉ 54 đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ ruộng nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T sang nhượng cho bà Hương theo giấy sang nhượng ngày 08/2/2002. Bà Hương sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Trần Thiên H3:

Tương tự với khởi kiện của bà T, bà Nguyễn Trần Thiên H3 khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: Nhà đất bà Hương đang sử dụng tại địa chỉ 60 đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ mương nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T sang nhượng cho bà Hương theo giấy sang nhượng ngày 01/01/2001. Bà Hương sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện của ông Thái Đình L1, và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền:

Tương tự với khởi kiện của bà T, ông Thái Đình L1 khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: Nhà đất ông L1 đang sử dụng tại địa chỉ 62A đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ mương nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T sang nhượng cho ông L1 theo giấy sang nhượng ngày 09/10/2002. Ông L1 sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện của ông Vũ Văn L2, và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền:

Tương tự với khởi kiện của bà T, ông Vũ Văn L2 khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: nhà đất ông L2 đang sử dụng tại địa chỉ 62B đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ mương nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T sang nhượng cho ông L2 theo giấy sang nhượng ngày 08/4/2002. Ông L2 sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện của ông Phan Minh D, và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền:

Tương tự với khởi kiện của bà T, ông Phan Minh D khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: Nhà đất ông D đang sử dụng tại địa chỉ 62C đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ mương nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T sang nhượng cho ông D theo giấy sang nhượng ngày 19/5/2002. Ông D sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện của bà Vũ Thị Lệ H, và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền:

Tương tự với khởi kiện của bà T, bà Vũ Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: Nhà đất bà H đang sử dụng tại địa chỉ 52 đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ mương nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T cho tặng bà H theo giấy cho đất ngày 06/01/2001. Bà H sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn V, và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền:

Tương tự với khởi kiện của bà T, ông Nguyễn Văn V khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: Nhà đất ông V đang sử dụng tại địa chỉ 62D đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ mương nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T cho tặng ông V theo giấy cho đất ngày 28/2/2004. Ông V sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện của bà Đoàn Thị K và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền:

Tương tự với khởi kiện của bà T, bà Đoàn Thị K khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: Nhà đất bà K đang sử dụng tại địa chỉ 48 đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ nương nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà K theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T sang nhượng cho bà K theo giấy sang nhượng ngày 10/4/2000. Bà K sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện của ông Đặng Văn H1 và trình bày của người đại diện theo uỷ quyền:

Tương tự với khởi kiện của bà T, ông Đặng Văn H1 khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: Nhà đất ông H1 đang sử dụng tại địa chỉ 62 đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ nương nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T sang nhượng cho ông H1 theo giấy sang nhượng ngày 12/3/2002. Ông H1 sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Theo đơn khởi kiện của ông Đinh Ngọc K:

Tương tự với khởi kiện của bà T, ông Đinh Ngọc K khởi kiện yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Lý do: Nhà đất ông K đang sử dụng tại địa chỉ đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh có nguồn gốc do bà Đặng Thị N1 khai phá sử dụng từ nương nước không sử dụng của dòng Chúa cứu thế Đ. Bà N1 đã sang nhượng cho bà T theo giấy sang nhượng ngày 28/11/1976. Bà T sang nhượng cho ông K theo giấy sang nhượng ngày 13/4/2004. Ông K sử dụng từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ và người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Về nguồn gốc, quá trình sử dụng đất:

Trước năm 1975, đất của Dòng Chúa cứu thế sử dụng làm trại chăn nuôi heo. Sau năm 1975, Dòng Chúa cứu thế tiếp tục sử dụng làm trại chăn nuôi heo. Năm 1978 Nhà nước trưng thu, giao cho Công ty chăn nuôi heo huyện Đ. Năm 1990, Công ty chăn nuôi chuyển 0,3 ha đất nông nghiệp sang làm khu nhà tập thể cho cán bộ nhân viên của trại heo làm nhà ở. Năm 1994, Trại chăn nuôi heo giải thể, khu đất được giao lại cho Huyện uỷ Đ sử dụng, Huyện uỷ giao cho ông

Đỗ Kim Tuyền, Nguyễn Văn Điều quản lý bảo vệ khu đất và tài sản trên đất, năm 2001, bàn giao cho Công ty Công trình giao thông và quản lý nhà Đ quản lý.

Từ năm 1975, khu đất này thuộc xã Y quản lý. Năm 1987 thuộc xã R quản lý. Năm 1997, chia tách quận, khu đất trên địa bàn phường L do quận Đ quản lý.

Đối với nội dung thông báo số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ gửi cho các hộ dân mặt tiền đường số 16 (đoạn từ nhà số 46 đến nhà số 64) để thông báo cho các hộ dân chỉ sử dụng đất làm lối đi, không xây dựng, lấn chiếm trên đất do nhà nước quản lý. Phần đất này có nguồn gốc do Văn phòng huyện Đ quản lý theo Quyết định số 157/QĐ-UB ngày 25/3/1994 của Ủy ban nhân dân huyện Đ.

Đây là phần đất do Nhà nước trực tiếp quản lý. Trước đây Ủy ban nhân dân quận Đ đã cắm ranh mốc khu đất, tuy nhiên các hộ dân đã tự ý tháo dỡ các cột mốc và xây dựng trên khu đất này. Do đó, nội dung thông báo số 338/UBND ngày 26/5/2017 để thông tin cho các hộ dân biết được đây là khu đất do Nhà nước trực tiếp quản lý, không được thực hiện xây dựng trên khu đất này, chỉ để sử dụng làm lối đi, việc yêu cầu hủy thông báo này là không có cơ sở.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M thống nhất với ý kiến của bà Phạm Thị T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị D thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đinh Thị H4 thống nhất với ý kiến của bà Đinh Thị H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N thống nhất với ý kiến của ông Thái Đình L1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Giang Thị P thống nhất với ý kiến của ông Vũ Văn L2

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị N thống nhất với ý kiến của ông Phan Minh D.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T thống nhất với ý kiến của ông Đinh Ngọc K

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị Thu H4 thống nhất với ý kiến của ông Đặng Văn H1

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn C, bà Đinh Thị H, ông Thái Đình L1, ông Vũ Văn L2, ông Phan Minh D, bà Vũ Thị Lệ H, ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn V, bà Đoàn Thị K, bà Nguyễn Trần Thiên H3, ông Đinh Ngọc K về việc yêu cầu hủy văn bản hành chính số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Án phí: Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn C, bà Đinh Thị H, ông Thái Đình L1, ông Vũ Văn L2, ông Phan Minh D, bà Vũ Thị Lệ H, ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn V, bà Đoàn Thị K, bà Nguyễn Trần Thiên H3, ông Đinh Ngọc K mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà Phạm Thị T đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015697 ngày 27/6/2017; ông Nguyễn Văn C đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015695 ngày 27/6/2017; bà Đinh Thị H đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015696 ngày 27/6/2017; ông Thái Đình L1 đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015702 ngày 27/6/2017; ông Vũ Văn L2 đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015698 ngày 27/6/2017, ông Phan Minh D đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015699 ngày 27/6/2017; bà Vũ Thị Lệ H đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015703 ngày 28/6/2017; ông Đặng Văn H1 đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015800 ngày 13/7/2017; ông Nguyễn Văn V đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015803 ngày 14/7/2017; bà Đoàn Thị K đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015799 ngày 13/7/2017; bà Nguyễn Trần Thiên H3 đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015700 ngày 27/6/2017; ông Đinh Ngọc K đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015693 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ, bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn C, bà Đinh Thị H, ông Thái Đình L1, ông Vũ Văn L2, ông Phan Minh D, bà Vũ Thị Lệ H, ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn V, bà Đoàn Thị K, bà Nguyễn Trần Thiên H3, ông Đinh Ngọc K đã thi hành xong.

Ngoài ra án sơ thẩm còn giải quyết các vấn đề liên quan đến quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 10/12/2018, ông Đinh Ngọc K có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Đinh Ngọc K trình bày: Ông kháng cáo bản án sơ thẩm vì Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ tại phần danh sách đính kèm có nội dung vu khống cho rằng ông lấn chiếm đất. Trường hợp sử dụng đất của gia đình ông cũng giống các hộ dân tại đây nhưng chỉ có một mình gia đình ông bị kết luận là lấn chiếm đất là đã xâm phạm quyền sử dụng đất hợp pháp và xâm phạm danh dự, nhân phẩm của ông theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 2 Điều 64 Luật Đất đai năm 2013. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông: Sửa án sơ thẩm, hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện vắng mặt nhưng có văn bản trình bày: Đề nghị Tòa án không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Ngọc K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về hình thức: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng hành chính từ khi thụ lý đến khi xét xử. Tại phiên tòa phúc thẩm cho đến trước khi nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã tiến hành phiên tòa đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Ngọc K, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đinh Ngọc K làm trong thời hạn luật định nên chấp nhận.

Về việc xét xử vắng mặt người khởi kiện bà Phạm Thị T (có người đại diện theo ủy quyền bà Nguyễn Thị M), ông Nguyễn Văn C, bà Đinh Thị H, ông Thái Đình L1, ông Vũ Văn L2, ông Phan Minh D, bà Vũ Thị Lệ H, ông Nguyễn Văn V, bà Đoàn Thị K, ông Đặng Văn H1, Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn C, bà Đinh Thị H, ông Thái Đình L1, ông Vũ Văn L2, ông Phan Minh D, bà Vũ Thị Lệ H, ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn V, bà Đoàn Thị K là ông Trần Văn H2, bà Nguyễn Trần Thiên H3; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M, bà Bùi Thị D, bà Đinh Thị H4, bà Phạm Thị N, bà Giang Thị P, bà Phạm Thị N, bà Nguyễn Thị T, bà Võ Thị Thu

H4: Tòa án đã triệu tập hợp lệ các đương sự nêu trên tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 225 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Đinh Ngọc K:

Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc khu đất, phía người khởi kiện và người bị kiện đều xác định khu đất này do Dòng Chúa cứu thế sử dụng từ trước năm 1975. Ngoài bà Phạm Thị T, những người khởi kiện còn lại đều được nhận chuyển nhượng, cho tặng từ bà T và đưa ra chứng cứ là các giấy sang nhượng làm bằng giấy tay với bà T. Theo các tài liệu có trong hồ sơ thì người đại diện của bà T xác nhận nội dung bà T ghi nhận trên các giấy sang nhượng về nguồn gốc thửa đất là đúng sự thật, cụ thể *“Tôi có mua đất của bà Đặng Thị N một miếng đất và khai phá thêm đất bỏ hoang của Dòng Chúa cứu thế dọc theo đường đất đỏ. Sử dụng từ 11/1976 đến năm 1978 Nhà nước quản lý toàn bộ đất của Dòng Chúa cứu thế giao cho Trại chăn nuôi Quyết Thắng sử dụng và Trại chăn nuôi Quyết Thắng cho tôi tiếp tục sử dụng có nộp lệ phí hằng năm. Khi trại heo giải thể tôi vẫn tiếp tục sử dụng đến nay, không có ai tranh chấp về việc sử dụng đất”*. Như vậy, những người khởi kiện khi nhận chuyển nhượng từ bà T và bà T đều biết rõ khu đất có nguồn gốc của Dòng Chúa cứu thế do Nhà nước quản lý toàn bộ từ năm 1978, quá trình quản lý thửa đất như phía người bị kiện trình bày sau khi Trại chăn nuôi heo giải thể, khu đất được giao cho Huyện ủy Đ sử dụng, Huyện ủy giao cho ông Đỗ Kim Tuyền, Nguyễn Văn Diệu quản lý bảo vệ khu đất và tài sản trên đất, năm 2001, bàn giao cho Công ty Công trình giao thông và quản lý nhà Đ và cũng thừa nhận bà T được ông Đỗ Kim Tuyền cho sử dụng và thu phí, thực tế cho thấy được quá trình quản lý của Nhà nước đối với khu đất từ sau khi tiếp nhận từ Dòng Chúa cứu thế.

Do đó, việc ông K kháng cáo cho rằng ông sử dụng nhà đất tại địa chỉ đường 16 tổ 11, khu phố 1, phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh từ đó đến nay không ai tranh chấp và không bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản xử phạt về hành vi sử dụng đất nên Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ ban hành Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 là không đúng quy định pháp luật là không có cơ sở để chấp nhận.

Căn cứ Điều 208 Luật Đất đai năm 2013: *“Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời việc chuyển quyền sử dụng đất trái phép, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép; phát hiện, áp dụng biện pháp ngăn chặn và xử lý kịp thời việc xây dựng các công trình trên đất lấn, chiếm, đất sử dụng không đúng mục đích ở địa phương và buộc người có hành vi vi phạm khôi phục lại tình trạng của đất trước khi vi phạm”*, nên việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ ban hành Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 có nội dung: *“Ủy ban nhân dân phường đề nghị các hộ dân*

không được xây dựng trái phép trên phần đất do nhà nước quản lý. Phần đất này các hộ dân chỉ được sử dụng tạm làm lối đi vào nhà, không được thay đổi hiện trạng của khu đất” đối với khu đất mặt tiền đường 16 đoạn từ nhà số 46 đến nhà số 64 là nhằm thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường trong việc kiểm tra, phát hiện và thông báo để chấn chỉnh, ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật đất đai trên địa bàn phường Linh Trung là đúng quy định pháp luật.

Việc ông K kháng cáo cho rằng phần danh sách đính kèm của Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ có nội dung cho rằng chỉ có gia đình ông chiếm đất còn các hộ dân còn lại cũng tình trạng chuyển nhượng đất như gia đình ông nhưng không bị cho là chiếm đất nên điều này đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của ông, Hội đồng xét xử xét thấy: Toàn bộ khu đất mà bà T chuyển nhượng của bà N trước đây sau đó chuyển nhượng cho những người khởi kiện trong đó có gia đình ông K có nguồn gốc như đã nhận định ở trên và đều thuộc quyền quản lý của nhà nước. Do đó, ông K cho rằng phần danh sách đính kèm của Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ chỉ nêu một mình gia đình ông chiếm đất là xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của ông là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với các phần khác của quyết định không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Đinh Ngọc K. Giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 30/11/2018 của Tòa án nhân dân quận Đ.

[3]. *Về án phí hành chính phúc thẩm*: Do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là ông Đinh Ngọc K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 220, Điều 225, khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Bác kháng cáo của ông Đinh Ngọc K và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2018/HC-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn C, bà Đinh Thị H, ông Thái Đình L1, ông Vũ Văn L2, ông Phan Minh D, bà Vũ Thị Lệ H, ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn V, bà Đoàn Thị K, bà Nguyễn Trần Thiên H3, ông Đinh Ngọc K về việc yêu cầu hủy Văn bản số 338/UBND ngày 26/5/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường L, quận Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn C, bà Đinh Thị H, ông Thái Đình L1, ông Vũ Văn L2, ông Phan Minh D, bà Vũ Thị Lệ H, ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn V, bà Đoàn Thị K, bà Nguyễn Trần Thiên H3, ông Đinh Ngọc K mỗi người phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Trừ vào tiền tạm ứng án phí Bà Phạm Thị T đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015697 ngày 27/6/2017; ông Nguyễn Văn C đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015695 ngày 27/6/2017; bà Đinh Thị H đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015696 ngày 27/6/2017; ông Thái Đình L1 đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015702 ngày 27/6/2017; ông Vũ Văn L2 đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015698 ngày 27/6/2017, ông Phan Minh D đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015699 ngày 27/6/2017; bà Vũ Thị Lệ H đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015703 ngày 28/6/2017; ông Đặng Văn H1 đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015800 ngày 13/7/2017; ông Nguyễn Văn V đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015803 ngày 14/7/2017; bà Đoàn Thị K đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015799 ngày 13/7/2017; bà Nguyễn Trần Thiên H3 đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015700 ngày 27/6/2017; ông Đinh Ngọc K đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tiền số 0015693 ngày 27/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ, bà Phạm Thị T, ông Nguyễn Văn C, bà Đinh Thị H, ông Thái Đình L1, ông Vũ Văn L2, ông Phan Minh D, bà Vũ Thị Lệ H, ông Đặng Văn H1, ông Nguyễn Văn V, bà Đoàn Thị K, bà Nguyễn Trần Thiên H3, ông Đinh Ngọc K đã thi hành xong.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đinh Ngọc K phải chịu án phí hành chính phúc thẩm là 300.000 đồng, được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0023234 ngày

21/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ.Ông Đinh Ngọc K đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Tòa án nhân dân quận Đ ;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Đ ;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Thủy